

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2025/DS-PT

Ngày: 09-12-2025

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1416/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1684/QĐ-HPT ngày 15 tháng 5 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1983/2025/QĐPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 1315/2025/TB-TA ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà F, Đường L, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn Luật sư V. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1958;

Địa chỉ thường trú: Số nhà D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ hiện nay: Số nhà D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Hà Trương Như L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Phương H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hồ Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Phương H có mối quan hệ quen biết do ông Hồ Thanh T có thời gian làm việc cho bà H từ năm 1999 đến năm 2011. Năm 2009, bà H có 02 lần hỏi mượn tiền của ông T để giải chấp các phần đất của bà tại ngân hàng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02/6/2009, mượn số tiền 150.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 22/6/2009, mượn số tiền 300.000.000 đồng.

Khi mượn tiền, bà H có viết giấy biên nhận, ký tên, ghi rõ họ tên đầy đủ và giao biên nhận cho ông T giữ. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày lập giấy, lãi suất 01%/tháng. Tuy nhiên, sau khi bà H giải chấp tại ngân hàng xong lại không trả tiền gốc và lãi cho ông T đúng như thỏa thuận mà xin ông T gia hạn thời gian thanh toán, bà H hẹn khi nào bán được đất sẽ trả đủ tiền gốc và lãi cho ông T.

Ông T nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nợ nhưng bà H cho rằng chưa bán được đất. Bà H nói với ông T là bà vẫn đang kinh doanh karaoke, khách sạn tại khu vực hẻm lộ nhà thi đấu, tài sản của bà vẫn còn đó, có mất đi đâu mà ông T sợ bà không trả tiền, để bà bán được giá thì bà thanh toán cho ông T đủ cả gốc lẫn lãi. Trong thời gian này, ông T vẫn còn làm cho bà H nên ông T chưa khởi kiện.

Sự việc kéo dài đến năm 2019, thời điểm này ông T có nói với bà H nếu không trả thì ông T sẽ khởi kiện để yêu cầu trả tiền, bà H lại tiếp tục xin ông T cho bà thời gian sau sẽ trả vì bà đang trong giai đoạn làm ăn kinh doanh khó khăn. Ông T vẫn tin và chờ bà H nhưng sau đó là đến giai đoạn dịch Covid-19, mọi hoạt động làm ăn đều khó khăn nên bà H tiếp tục xin ông T cho bà thêm một thời gian để trả tiền. Đến đầu tháng 7 năm 2024, khi ông T yêu cầu bà H trả số tiền 450.000.000 đồng cho ông T kèm gốc và lãi thì bà H có thái độ thách thức ông T đi kiện.

Ông T khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả lại ông T số tiền nợ là 450.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 7 năm 2024 là 180 tháng, số tiền là 672.300.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi có bản án. Sau đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, ông T yêu cầu bà H trả lại số tiền đã cho bà H mượn là 450.000.000 đồng, xin rút yêu cầu trả tiền lãi nên không tính thời hiệu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Khoảng năm 1997, vợ chồng ông P, bà L1 có giới thiệu ông T vào làm tài xế lái xe hơi cho gia đình bà H. Đến năm 1999, doanh nghiệp của bà H phát sinh rất nhiều công việc để kinh doanh, giao dịch rất nhiều đối tác, mua đất, xây nhà, bán đất, bán nhà nên bà H đã giao cho ông T kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ phụ trách sổ sách chứng từ mua bán, thu chi, giấy tờ giao dịch của bà với nhiều lĩnh vực kinh doanh. Đến khoảng năm 2011, doanh nghiệp của bà H chấm dứt quan hệ việc làm với ông T và ông T không còn bất cứ quan hệ gì với doanh nghiệp của bà H.

Đơn khởi kiện của ông T hoàn toàn bịa đặt, vu khống và cố tình gây áp lực cho bà H. Ông T khởi kiện bà H vì nguyên nhân mâu thuẫn cá nhân. Vào năm 2002, ông T đã xây nhà cho thuê mà phía ngoài căn nhà này là phần đất của bà H, bà H đã có yêu cầu ông T trả nhưng ông T không trả và ông T có ý định thù ghét bà H nên mới phát sinh vụ án này, thật ra bà H không có vay tiền của ông T. Ông T muốn bán phần đất bên trong của ông thì phải thương lượng mua lại phần đất phía ngoài mặt tiền của bà H thì đất của ông bán mới có giá trị. Hai biên nhận mượn tiền 300.000.000 đồng ngày 22/6/2009 và 150.000.000 đồng ngày 02/6/2009 là do

bà H viết nhưng bà H không có mượn tiền của ông T. Năm 2009, bà H có rất nhiều giao dịch và tiếp xúc nhiều đối tác, ông T phụ trách sổ sách giấy tờ tiền bạc, giao dịch với nhiều lĩnh vực và nhiều đối tác nên việc ông nắm giữ rất nhiều chứng từ, biên nhận của bà H viết cho những người bà H vay tiền và những người vay tiền của bà H.

Theo 02 giấy vay tiền ngày 22/6/2009 và ngày 02/6/2009 với số tiền 450.000.000 đồng này bà H vay của bà Đặng Mỹ D1 và bà H đã trả xong cho bà D1. Thông thường, bà H vay tiền của ai hoặc ai vay tiền của bà H đều viết thành 02 tờ biên nhận, khi bà H trả tiền cho bà D1 xong thì bà D1 đã xé giấy nợ của bà D1, bà H chưa xé giấy nợ do bà H đang cất giữ nên có thể vì lý do ông T đang là người quản lý giấy tờ, sổ sách của bà H nên khi bà H cho ông T nghỉ việc thì ông T đã trộm 02 giấy nợ này và lưu giữ cho đến nay rồi lấy ra để khởi kiện bà H. Khi ông T nghỉ việc chỗ bà H, do giấy tờ sổ sách nhiều nên khi bàn giao công việc bà H đã không kiểm tra chặt chẽ việc bàn giao này nên dẫn đến tình trạng ngày hôm nay.

Bà H khẳng định bà không có vay mượn tiền của ông T và cũng không có thỏa thuận trả lãi cho ông T như ông T trình bày. Việc ông T nêu “Từng thời điểm nhiều lần gặp bà H và bà H đã hẹn...” là hoàn toàn không có thật. Ông T cho rằng ông nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H cứ hứa hẹn thì tại sao sau 02-03 lần hẹn không trả nhưng ông T không khởi kiện bà H mà đợi đến lúc bà H không đồng ý thương lượng bán đất cho ông T thì ông T mới khởi kiện bà H. Từ khi ông T nghỉ việc đến nay, bà H và ông T chưa từng gặp mặt, ông T cũng không có nhắn tin, gọi điện thoại cho bà H để yêu cầu bà H trả tiền theo 02 biên nhận nợ trên. Bà H không có vay tiền của ông T, trong giấy nợ không ghi bà H mượn tiền của ông T mà ghi là có mượn, đề nghị ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T có giao tiền cho bà H.

Ông T yêu cầu bà H trả tiền vay và tiền lãi từ năm 2009 cho đến năm 2024 là đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông vì lý do hết thời hiệu khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi từ hợp đồng vay tài sản thành đòi lại tài sản là số tiền gốc là không phù hợp. Vì bị đơn đã yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T về việc tranh chấp quyền đòi lại tài sản đối với bà Nguyễn Thị Phương H về số tiền nợ gốc là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Phương H có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Thanh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Phương H về việc yêu cầu bà H trả số tiền lãi là 672.300.000 (sáu trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T do bên bà vô ý làm thất thoát giấy tờ và ông T đã sử dụng 02 biên nhận của bà để đòi nợ thì bà cũng xin Tòa án cho bà có yêu cầu phản tố đề bù trừ nghĩa vụ và đòi lại tài sản của bà đã giao cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H là bà Hà Trương Như L trình bày: Bà H giữ nguyên kháng cáo. Bà không có ý kiến gì về kết luận giám định trong vụ án này.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Thanh T là ông Nguyễn Nhật N trình bày: Ông T không đồng ý với kháng cáo của bà H. Ông T đồng ý với kết luận giám định trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu D trình bày: Ông T khởi kiện có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ đề nguyên đơn ông Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H trả số tiền 450.000.000 đồng là 02 giấy Biên nhận với nội dung: “Có mượn 150.000.000đ (Một trăm năm chục triệu) ghi ngày “02.6.09. (02.07)” và “Có mượn 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) ghi ngày “22/06/09”, cả hai biên nhận đều có chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Phương H”.

Bà H thừa nhận chữ viết và chữ ký trong 02 tờ biên nhận nêu trên là do bà H viết và ký tên nhưng đây là các biên nhận viết khi bà H vay tiền của bà Đặng Mỹ D1 (bà Đặng Mỹ D1 sinh năm 1963, địa chỉ: D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là D, khu phố F, phường P, tỉnh Vĩnh Long - BL 36). Bà H cho rằng ông T đã lấy trộm 02 biên nhận này để khởi kiện bà nên bà không đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Mặc dù bà Đặng Mỹ D1 có nội dung làm chứng xác nhận có việc bà D1 cho bà H mượn số tiền 450.000.000 đồng và biên nhận ông T nộp là biên nhận của số tiền mà bà D1 cho bà Hà M (BL 36) nhưng ngoài lời trình bày thì bà D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh giữa bà H với bà D1 có quan hệ làm ăn, vay mượn với nhau bằng 02 biên nhận trên nhưng lại bị ông T lấy để khởi kiện bà H trong vụ án này. Ngoài ra, bà H cho rằng, ông T khởi kiện bà vì nguyên nhân mâu thuẫn cá nhân, bịa đặt, vu khống và cố tình gây áp lực cho bà vì bà

không có vay tiền của ông T và từ khi ông T nghỉ việc đến nay ông T không có liên hệ với bà về chuyện tiền vay nhưng bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T đã chiếm giữ 02 giấy biên nhận của bà. Hơn nữa, cho đến nay, bà H cũng không có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ông T chiếm giữ tài sản của bà.

Trong khi đó, ông T cung cấp 02 giấy biên nhận do bà H viết và ghi nội dung có mượn số tiền cụ thể, thời gian, bà H ký tên và ghi họ tên. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H có yêu cầu trưng cầu giám định về việc biên nhận số tiền 300.000.000 đồng mà ông T nộp có bị tách rời hay không và nếu bị tách rời thì nguyên nhân có phải do bị xé hay không. Theo Kết luận giám định số 279/KL-KTHS-KV1 ngày 24/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh V thì biên nhận số tiền 300.000.000 đồng “không bị rách rời hoàn toàn, vết rách theo chiều dọc ở khoảng giữa tờ giấy có chiều dài là 9,5cm. Không đủ cơ sở để xác định nguyên nhân làm rách giấy”. Với kết luận nêu trên thì không đủ cơ sở xác định tờ biên nhận đã bị xé bỏ hoàn toàn và cũng không có căn cứ xác định nguyên nhân của việc biên nhận bị rách.

[2.2] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, tại bản tự khai ngày 23/10/2024 (BL 56-57), bà H trình bày “Thói quen của tôi là khi tôi vay tiền của ai hoặc ai vay tiền của tôi đều viết thành 02 tờ, khi tôi trả tiền cho Đặng Mỹ D1 xong thì tôi và Đặng Mỹ D1 đã xé giấy nợ của Đặng Mỹ D1 mà tôi chưa xé giấy nợ do tôi đang cất giữ nên có thể vì lý do ông T đang là người quản lý giấy tờ, sổ sách của tôi nên khi tôi cho ông T nghỉ việc thì ông T đã trộm 02 giấy nợ này và lưu giữ cho đến nay thì lấy ra để khởi kiện tôi”.

Với nội dung tự khai nêu trên thì chính bà H đã khẳng định bà “chưa xé” giấy nợ do bà giữ mà ông T lấy để kiện bà, là biên nhận mà ông T cung cấp và cũng là mẫu đã được giám định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09 tháng 6 năm 2025 (trang 5, 6 - BL 117), người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà L lại cho rằng do tờ biên nhận số tiền 300.000.000 đồng có dấu hiệu bị xé bỏ nên không có giá trị pháp lý và yêu cầu giám định là mâu thuẫn trong lời trình bày của bà H và bà L (bà L với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà H). Ngoài ra, cũng thông qua nội dung bản tự khai của bà H nêu trên nhận thấy thói quen của bà H khi mượn tiền thì làm biên nhận giao cho người cho vay giữ một bản, đồng thời nội dung biên nhận cũng không ghi rõ bên cho vay là ai. Bà H cũng thừa nhận nội dung biên nhận ông T nộp làm căn cứ khởi kiện là do bà viết, ký tên và ghi họ, tên. Từ đó, có căn cứ xác định bà H có vay của ông T số tiền 450.000.000 đồng theo các biên nhận do ông T cung cấp. Đến nay, bà H vẫn chưa trả lại số tiền nêu trên cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền là có căn cứ, Tòa án cấp

sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo của bà H cho rằng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T do bên bà vô ý làm thất thoát giấy tờ và ông T đã sử dụng 02 biên nhận của bà để đòi nợ thì bà cũng xin Tòa án cho bà có yêu cầu phản tố đề bù trừ nghĩa vụ và đòi lại tài sản của bà đã giao cho ông T. Tuy nhiên, do bà H không có yêu cầu phản tố trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết và cũng không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Hơn nữa, bà H có quyền khởi kiện trong vụ án khác nếu có tranh chấp với ông T nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà H phải chịu số tiền chi phí giám định là 4.000.000 đồng và bà H đã nộp đủ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long).

Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 147, 148, 159, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T về việc tranh chấp đòi lại tài sản đối với bà Nguyễn Thị Phương H về số tiền nợ gốc là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương H có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Thanh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Phương H về việc yêu cầu bà H trả số tiền lãi là 672.300.000 (sáu trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T, nếu bà H chưa trả số tiền trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu số tiền chi phí giám định là 4.000.000 (bốn triệu đồng) và bà Nguyễn Thị Phương H đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Phương H được miễn án phí do là người cao tuổi.

- Ông Hồ Thanh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.834.500 (hai mươi hai triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng theo biên lai số 0005180 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang